

YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì
các trang thiết bị của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025 - 2026**

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì
trang thiết bị tại Việt Nam

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá dự toán làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025 - 2026. Viện kính mời các nhà cung cấp quan tâm báo giá các dịch vụ với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh - Địa chỉ: Số 167 Pasteur, Phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ tên người tiếp nhận báo giá: Lê Thị Kiều Oanh
 - Chức vụ: Nhân viên - Phòng Vật tư-Thiết bị y tế
 - Số điện thoại: 0393100100
 - Email: [oanhltk@pasteurhcm.edu.vn](mailto: oanhltk@pasteurhcm.edu.vn)
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư-Thiết bị y tế - Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh - Địa chỉ: Số 167 Pasteur, Phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 16h00 ngày 20 tháng 10 năm 2025.
(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục chi tiết: Theo Phụ lục 01 đính kèm.
- Địa điểm cung cấp dịch vụ: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Số 167 Pasteur, Phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Biểu mẫu báo giá (để nhà cung cấp tham khảo): *Theo Phụ lục 02 đính kèm.*

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để b/c);
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Phòng HCQT (CNTT) (để thực hiện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG
VẬT TƯ – THIẾT BỊ Y TẾ**

Lê Việt Hà

Phụ lục 01
BẢNG DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, YÊU CẦU KỸ THUẬT
Dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì
các trang thiết bị của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025 – 2026

STT	Tên thiết bị	MSK K	Mode I	Số Seria	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung thực hiện dịch vụ	ĐVT	Số lượn g	Khoa/Phòng /Trung tâm đề xuất
1	Nhiệt kế lò xo 01					Hiệu chuẩn tại điểm: $5\pm 3^{\circ}\text{C}$	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT
2	Nhiệt kế lò xo 02					Hiệu chuẩn tại điểm: $5\pm 3^{\circ}\text{C}$	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT
3	Nhiệt kế lò xo 03					Hiệu chuẩn tại điểm: $5\pm 3^{\circ}\text{C}$	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT
4	Nhiệt kế lò xo 06					Hiệu chuẩn tại điểm: $5\pm 3^{\circ}\text{C}$	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT
5	Nhiệt kế lò xo 11					Hiệu chuẩn tại điểm: (-20°C)	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT
6	Nhiệt kế lò xo 12					Hiệu chuẩn tại điểm: $5\pm 3^{\circ}\text{C}$	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT

STT	Tên thiết bị	MSK K	Mode I	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung thực hiện dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng /Trung tâm đề xuất
7	Nhiệt kế lò xo 13					Hiệu chuẩn tại điểm: $5\pm 3^{\circ}\text{C}$	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT
8	Nhiệt kế lò xo 14					Hiệu chuẩn tại điểm: (-15°C) và (-30°C)	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT
9	Nhiệt kế lò xo 15					Hiệu chuẩn tại điểm: (-15°C) và (-30°C)	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT
10	Máy đo độ đục Densi-la-Meter II (McF)	4043-VSBP			Nhà sản xuất: Densi-la-Meter II Model: Densi - 2 Số seri: 50001527	Hiệu chuẩn tại các điểm: 0,5McF ; 1McF ; 2McF ; 4McF	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT
11	Máy đo độ đục DensiCHEK plus (McF)				Nhà sản xuất: Biomerieux	Hiệu chuẩn tại các điểm: 0,5McF ; 1McF ; 2McF ; 4McF	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT
12	Thước kẹp Sylvac					Hiệu chuẩn tại điểm: 10mm; 20mm; 30mm	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT
13	Máy Real-time Rotor-Gene Q MDx					Bảo trì: Máy Real-time Rotor-Gene Q MDx	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT

STT	Tên thiết bị	MSK K	Mode I	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung thực hiện dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng /Trung tâm đề xuất
14	Kính hiển vi Leitz Biomed	904.V SBP				Bảo trì: 10X, 40X, 100X	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT
15	Kính hiển vi Leitz Biomed	964.1/ KST				Bảo trì: 10X, 40X, 100X	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT
16	Kính hiển vi Olympus CH20	3552. VSBP				Bảo trì: 10X, 40X, 100X	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT
17	Kính hiển vi Olympus CX41	3551. VSBP				Bảo trì: 10X, 40X, 100X	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT
18	Hệ thống máy định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ tự động Vitek 2-compact 60	8097				- Bảo trì hệ thống máy - Hiệu chuẩn buồng ủ tại điểm: $35\pm 2^{\circ}\text{C}$	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT
19	Máy phân tích Dị ứng Hitachi CLA-1	11982 35P90 034				Bảo trì: Máy phân tích Dị ứng Hitachi CLA-1	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT

STT	Tên thiết bị	MSK K	Mode I	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung thực hiện dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng /Trung tâm đề xuất
20	Bộ máy ELISA, hãng Thermo	12082 11P10 044				Bảo trì: Hệ thống bộ máy ELISA	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT
21	Máy lấy mẫu Vi sinh không khí	12183 11G80 042				Hiệu chuẩn tại điểm: 100 lít/phút	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT
22	Máy đếm hạt bụi trong không khí		GT-526S	A11113		Hiệu chuẩn tại điểm: 1.000 lít	Cái	1	Vi sinh bệnh phẩm - TTXNYSHL S&DVKHKT
23	Máy đo pH	11977 12G20 021	3540pH		Nhà sản xuất: Jenway Model: 3540pH Khoảng pH: (-2,000) – 19,999 Độ phân giải: 0,001/0,01/0,1 Khoảng mV: (-1999) – 1999 Độ phân giải: 0,1mV Khoảng nhiệt độ: (-30°C) – 130°C Độ phân giải: 0,1	Hiệu chuẩn tại điểm: pH 4, 7, 10	Cái	1	Môi trường - TTXNYSHL S&DVKHKT
24	Máy rót môi trường tự động	12077 12Q30 092	DOSE IT P910		Nhà sản xuất: Integra Model: DOSE IT P910 Số seri: 17116291 và 17120137 Độ phân giải : 0,01 mL	Hiệu chuẩn các mức thể tích sau: 1,5mL; 2 mL; 2,7mL; 3mL; 3,5mL; 5 mL; 7mL; 8mL; 9mL; 9,5mL; 10mL; 19mL; 20mL; 23mL	Cái	1	Môi trường - TTXNYSHL S&DVKHKT

STT	Tên thiết bị	MSK K	Mode I	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung thực hiện dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng /Trung tâm đề xuất
25	Nhiệt kế thủy ngân					Hiệu chuẩn tại điểm: $37\pm 2^{\circ}\text{C}$	Cái	1	Môi trường - TTXNYSHL S&DVKHKT
26	Đo ánh sáng phòng xét nghiệm					$\geq 500\text{Lux}$	Điểm	6	SHHHMD - TTXNYSHL S&DVKHKT
27	Máy PCR Eppendorf Mastercycler proS	3939	ProS		+ 96 giếng + Tốc độ gia nhiệt: $6^{\circ}\text{C}/\text{giây}$ + Tốc độ hạ nhiệt: $4,5^{\circ}\text{C}/\text{giây}$ + Dải nhiệt độ: $4^{\circ}\text{C} - 99^{\circ}\text{C}$ + Mức độ đồng nhất của block nhiệt: $20^{\circ}\text{C} - 72^{\circ}\text{C} \leq \pm 0,3^{\circ}\text{C}$; $95^{\circ}\text{C} \leq \pm 0,4^{\circ}\text{C}$ + Dung lượng bộ nhớ: 16MB	- Bảo trì: + Vệ sinh toàn bộ bên ngoài thiết bị. + Kiểm tra bàn phím bằng chương trình test + Kiểm tra hiển thị của màn hình + Kiểm tra quạt làm mát bằng chương trình service, làm sạch + Vệ sinh bụi và bản nắp nhiệt + Vệ sinh bụi và bản từng giếng để mẫu trên block nhiệt + Hiệu chuẩn nhiệt độ của block nhiệt + Hiệu chỉnh lại nếu Block nhiệt vượt quá sai số cho phép + Chạy kiểm tra máy lần cuối - Hiệu chuẩn: Độ chính xác nhiệt độ tại các điểm nhiệt đặc trưng hoạt động 4°C , 55°C , 65°C , 72°C , 95°C và tại tất cả các vị trí giếng	Cái	1	HIV/Viêm gan - TTXNYSHL S&DVKHKT

STT	Tên thiết bị	MSK K	Mode I	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung thực hiện dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng /Trung tâm đề xuất
28	Máy PCR ABI 9700	3975	ABI 9700		+ 96 giếng + Tốc độ gia nhiệt: 6°C/giây + Tốc độ hạ nhiệt: 4,5°C/giây + Dải nhiệt độ: 4°C – 99°C + Mức độ đồng nhất của block nhiệt: 20°C – 72°C $\leq \pm 0,3^{\circ}\text{C}$, 95°C $\leq \pm 0,4^{\circ}\text{C}$ + Dung lượng bộ nhớ: 16MB	- Bảo trì: + Vệ sinh toàn bộ bên ngoài thiết bị. + Kiểm tra bàn phím bằng chương trình test + Kiểm tra hiển thị của màn hình + Kiểm tra quạt làm mát bằng chương trình service, làm sạch + Vệ sinh bụi và bản nắp nhiệt + Vệ sinh bụi và bản từng giếng để mẫu trên block nhiệt + Hiệu chuẩn nhiệt độ của block nhiệt + Hiệu chỉnh lại nếu Block nhiệt vượt quá sai số cho phép + Chạy kiểm tra máy lần cuối - Hiệu chuẩn: Độ chính xác nhiệt độ tại các điểm nhiệt đặc trưng hoạt động 4°C, 55°C, 65°C, 72°C, 95°C và tại tất cả các vị trí giếng	Cái	1	HIV/Viêm gan - TTXNYSHL S&DVKHKT
29	Máy cô quay chân không				48 vị trí cho ống 1,5mL - 2mL	Hiệu chuẩn tốc độ quay: 1.400rpm	Cái	1	HIV/Viêm gan - TTXNYSHL S&DVKHKT

STT	Tên thiết bị	MSK K	Mode l	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung thực hiện dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng /Trung tâm đề xuất
30	Máy giải trình tự Seq Studio 24 Flex					Bảo trì: + Kiểm tra điều kiện vận hành thiết bị. + Ghi nhận phiên bản phần mềm chạy máy, cập nhật lên phiên bản mới nhất (nếu cần). + Kiểm tra thông số hiệu chuẩn trên máy. + Kiểm tra các cài đặt trên máy tính. Cài đặt về mặc định (nếu cần). + Kiểm tra lại các cài đặt cần thiết cho việc chạy máy. + Vệ sinh máy ở khu vực Polymer, đĩa tripper và autosampler. + Vệ sinh bên ngoài thiết bị, quạt thông khí. + Kiểm tra Solenoid gap và hoạt động của Pin valve.	Cái	1	HIV/Viêm gan - TTXNYSHL S&DVKHKT
31	Buret thủy tinh				Nhà sản xuất: Schott Duran Thể tích: 10mL	Hiệu chuẩn tại điểm: 10mL	Cái	3	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
32	Buret thủy tinh				Nhà sản xuất: Schott Duran Thể tích: 25mL	Hiệu chuẩn tại điểm: 25mL	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
33	Bình định mức				Nhà sản xuất: Schott Duran Thể tích: 5mL	Hiệu chuẩn tại điểm: 5mL	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT

STT	Tên thiết bị	MSK K	Mode I	Số Seria	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung thực hiện dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng /Trung tâm đề xuất
34	Bình định mức				Nhà sản xuất: Schott Duran Thể tích: 10mL	Hiệu chuẩn tại điểm: 10mL	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
35	Bình định mức				Nhà sản xuất: Schott Duran Thể tích: 20mL	Hiệu chuẩn tại điểm: 20mL	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
36	Bình định mức				Nhà sản xuất: Schott Duran Thể tích: 25mL	Hiệu chuẩn tại điểm: 25mL	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
37	Bình định mức				Nhà sản xuất: Schott Duran Thể tích: 50mL	Hiệu chuẩn tại điểm: 50mL	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
38	Bình định mức				Nhà sản xuất: Schott Duran Thể tích: 100mL	Hiệu chuẩn tại điểm: 100mL	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
39	Bình định mức				Nhà sản xuất: Schott Duran Thể tích: 200mL	Hiệu chuẩn tại điểm: 200mL	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
40	Bình định mức				Nhà sản xuất: Boral Pula Thể tích: 250mL	Hiệu chuẩn tại điểm: 250mL	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT

STT	Tên thiết bị	MSK K	Mode l	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung thực hiện dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng /Trung tâm đề xuất
41	Bình định mức				Nhà sản xuất: ISOLAB Thể tích: 500mL	Hiệu chuẩn tại điểm: 500mL	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
42	Bình định mức				Nhà sản xuất: BORAL Thể tích: 1000mL	Hiệu chuẩn tại điểm: 1000mL	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
43	Bình định mức				Nhà sản xuất: KIMAX Thể tích: 2000mL	Hiệu chuẩn tại điểm: 2000mL	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
44	Bộ quả cân F1			1124	Số seri: 1124 Chất liệu thép không gỉ Gồm 8 quả cân có khối lượng lần lượt là 1g, 2g, 5g, 10g, 20g, 50g, 100g và 200g	Hiệu chuẩn: Quả cân 1g; Quả cân 2g; Quả cân 5g; Quả cân 10g; Quả cân 20g; Quả cân 50g; Quả cân 100g; Quả cân 200g	Bộ	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
45	Lò nung		L15-11-B180	203091	Nhà sản xuất: Narbetherm Model: L15-11-B180 Số seri: 203091 Nhiệt độ tối đa: 1100°C Độ phân giải: 1°C Thể tích: 15 lít	Hiệu chuẩn tại nhiệt độ: 525°C	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
46	Máy đo độ đục		2100 NIS	12050C020691	Nhà sản xuất: Hach Model: 2100 NIS Số seri: 12050C020691 Thang đo: 0 – 4000 NTU Độ phân giải 0,001; 0,01; 0,1; 1 NTU	Hiệu chuẩn dãy đo: 0,1 - 4000 NTU	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT

STT	Tên thiết bị	MSK K	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung thực hiện dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng /Trung tâm đề xuất
47	Máy đo pH		S40K		Nhà sản xuất: Mettler Toledo Model: S40K Khoảng pH: -2,000 – 19,999 Độ phân giải: 0,001/0,01/0,1 Khoảng mV: (-1999) – 1999 Độ phân giải: 0,1mV Khoảng nhiệt độ: (-30°C) – 130°C Độ phân giải: 0,1	Hiệu chuẩn tại giá trị đo pH: 0-14	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
48	Sắc ký lỏng cao áp		1100		Nhà sản xuất: Agilent Model: 1100 Hệ bơm dung môi 4 kênh với bộ khử khí Bộ phận rửa bơm tự động Bộ phận tiêm mẫu tự động Đầu dò Huỳnh quang Đầu dò mảng Diod	- Bảo trì: + Kiểm tra rò rỉ toàn bộ hệ thống, vệ sinh bụi bẩn, muối, dung môi, hóa chất trên tất cả module của hệ thống. + Vệ sinh toàn bộ thiết bị: vệ sinh các kênh dung môi, các ống dây mao quản, bộ khử khí chân không, bơm, buồng tiêm mẫu, buồng ổn nhiệt cột, đầu dò. Vệ sinh các seal, plunger seal, piston, các sensor báo rò rỉ của từng module,... + Kiểm tra các đầu dây nối mao quản, các đầu nối giữa các module của thiết bị. + Kiểm tra thời gian sử dụng, cường độ của đèn D2, Vis. + Kiểm tra tổng quát các phụ kiện cần phải dự trữ, thay thế để dự phòng trong tương lai, để máy được hoạt động ổn định. - Hiệu chuẩn (thực hiện các test OQPV: Operational Qualification / Performance Verification) theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất:	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT

STT	Tên thiết bị	MSK K	Mode I	Số Seria	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung thực hiện dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng /Trung tâm đề xuất
						+ Kiểm tra độ chính xác của tốc độ dòng, + Kiểm tra độ đúng của bơm. + Kiểm tra độ ổn định nhiệt độ. + Kiểm tra độ chính xác, độ lặp lại của bộ tiêm mẫu. + Kiểm tra độ đúng của bộ trộn dung môi. + Kiểm tra độ chính xác bước sóng của đầu dò. + In report báo cáo đính kèm.			
49	Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử		PIN AAC LE 90T	PTCS1 609130 2	Nhà sản xuất: Perkin Elmer Model: PIN AACLE 90T Số seri: PTCS16091302 Thang bước sóng: 190 – 900 nm Độ phân giải: 0,01 nm Độ hấp thụ: (-0,30) – 3,00 Abs Độ phân giải : 0,0001 Abs	Bảo trì: - Cơ học: + Kiểm tra đèn đốt, buồng đốt và bộ phun mẫu. Vệ sinh nếu cần thiết. + Kiểm tra hệ thống thải, các phần làm kín. + Kiểm tra sự rò khí trong đường ống dẫn khí. + Vệ sinh bên ngoài thiết bị. + Kiểm tra các điều kiện thích hợp để đánh lửa khi vận hành kỹ thuật ngọn lửa. - Điện: + Kiểm tra nguồn điện sử dụng và nối đất. Tham khảo Form_Ch chuẩn bị cơ sở lắp đặt. + Kiểm tra mạch điện tử. Vệ sinh nếu cần thiết. + Kiểm tra phần mềm, cập nhật nếu cần thiết. + Kiểm tra tất cả các nguồn điện một chiều và xoay chiều của máy. - Quang: + Kiểm tra hệ thống quang. Vệ sinh nếu cần thiết.	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT

STT	Tên thiết bị	MSK K	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung thực hiện dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng /Trung tâm đề xuất
						+ Kiểm tra Motor, khớp động của hệ thống quang. Vào dầu mỡ nếu cần thiết. - Thực hiện kiểm tra: + Thực hiện kiểm tra lần cuối sự vận hành của toàn hệ thống			
50	Máy UV/VIS		Lambda 25	101N4012601	Nhà sản xuất: Perkin Elmer Model: Lambda 25 Số seri: 101N4012601 Dải đo: 190nm-1100nm Bảng thông cố định: 1nm Khoảng hấp thu: (-3A) ÷ 4A Độ phân dải: 0,01nm	Hiệu chuẩn bước sóng 240-880 nm; điểm 655nm; độ hấp thu 0-2 AU	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
51	Máy Sắc ký ion		850 Professional IC	25803040	Nhà sản xuất: Metrohm Model: 850 Professional IC Số seri: 25803040 Bộ bơm mẫu tự động 148 2 kênh bơm Anion & Cation 2 đầu dò Điện Dẫn	Bảo trì: 1. Thiết Bị 850 IC - Kiểm tra ngoại quan thiết bị - Kiểm tra đèn báo hiển thị - Kiểm tra quạt làm mát - Kiểm tra cáp và kết nối với PC - Kiểm tra cảm biến rò rỉ dung môi - Kiểm tra kết nối các cổng MSB, USB, cột - Kiểm tra độ ổn định và chính xác nhiệt độ buồng cột - Kiểm tra hoạt động bơm chân không của Degasser - Kiểm tra và đo áp suất chân không của MCS... - Kiểm tra hoạt động của MSM, Bơm nhu động, Injector....	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT

STT	Tên thiết bị	MSK K	Mode I	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung thực hiện dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng /Trung tâm đề xuất
						- Bơm cao áp 1&2: Kiểm tra kết nối và thông số pump head, khử bọt khí, khởi động bơm và các bước vận hành, kiểm tra độ ổn định của bơm, kiểm tra và so sánh áp suất của bơm, kiểm tra và hiệu chuẩn lưu lượng của bơm, kiểm tra rò rỉ và bảo vệ quá áp của bơm. - Đầu dò: Kiểm tra độ ổn định và chính xác nhiệt độ của đầu dò, kiểm tra signal noise 2. Bộ chuyển mẫu tự động - Kiểm tra ngoại quan và vệ sinh thiết bị - Vệ sinh kim và đường ống dẫn, bơm nhu động..... - Kiểm tra và vệ sinh quạt làm mát - Kiểm tra cáp, kết nối với PC và thông tin thiết bị - Kiểm tra hoạt động bơm mẫu - Kiểm tra hoạt động của swing head, robotic arm - Kiểm tra cổng kết nối với các thiết bị ngoại vi, USB, MSB.... - Kiểm tra chức năng hoạt động của khay mẫu (Số lần thực hiện: 1 lần/năm)			
52	Máy sắc ký lỏng siêu cao áp đầu dò Khối phổ 2 lần		Exion LC & TRIPLEQ UAD 5500	Bơm AB3A D5570985 - AB3A	Nhà sản xuất: Sciex Model: ExionLC & TRIPLEQUAD 5500 Số seri: Bơm AB3AD5570985 - AB3AD5570986 Tiêm mẫu: AB3AC5570460 Lò:	Bảo trì: - Kiểm tra máy tính và các phần mềm. - Vệ sinh ion source, Curtain plate, Orifice, Qjet,... - Kiểm tra điện áp các Board mạch điện tử	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHK

STT	Tên thiết bị	MSK K	Mode l	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung thực hiện dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng /Trung tâm đề xuất
				D5570986	AB3CT5570405 Đầu dò: CY51711	- Tune và hiệu chuẩn lại các thiết bị (có kết quả đính kèm) (Mass shift/Peak width tại các scan rate) - Hiệu chuẩn đầu kim phun mẫu - Kiểm tra hệ thống lần cuối trước khi bàn giao - Đưa ra các khuyến nghị khi vận hành máy, các lỗi có thể tự khắc phục khi xảy ra vấn đề sự cố - Đưa ra khuyến nghị về các bộ phận cần thay thế			
53	Máy Sắc ký khí		Clarus 500	650N4012402	Nhà sản xuất: Perkin Elmer Model: Clarus 500 Số seri: 650N4012402 Đầu dò FID Đầu dò ECD	Bảo trì: - Cơ học: + Kiểm tra và vệ sinh tất cả các quạt làm mát và lọc. + Kiểm tra sự rò rỉ khí của hệ thống (các chỗ nối từ nguồn khí đến thiết bị). + Kiểm tra tất cả các lọc và bẫy khí. Thay thế nếu cần thiết với phụ tùng của Viện + Kiểm tra bộ điều khiển khí & hiệu chuẩn nếu vẫn thiết. + Kiểm tra lưu lượng khí cháy & hiệu chuẩn nếu cần thiết. + Vệ sinh hoặc thay thế các phần đầu dò khí cần thiết với phụ tùng của Viện + Kiểm tra các cảm biến của bộ lấy mẫu tự động, thay thế nếu cần thiết với phụ tùng của Viện. + Vệ sinh bên ngoài máy. - Điện:	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHK

STT	Tên thiết bị	MSK K	Mode I	Số Seria	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung thực hiện dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng /Trung tâm đề xuất
						+ Kiểm tra nguồn điện sử dụng và nối đất. + Kiểm tra và vệ sinh các bo mạch. + Kiểm tra phần mềm điều khiển máy & nâng cấp nếu cần thiết. + Chạy chương trình chuẩn đoán thiết bị. + Kiểm tra tất cả các nguồn điện cung cấp bên trong thiết bị. + Kiểm tra nhiệt độ lò, điều chỉnh nếu cần thiết. - Đánh giá lại: + Đánh giá lại công việc đã thực hiện với Viện + Đánh giá lại qui trình bảo trì với Viện (Số lần thực hiện: 1 lần/năm)			
54	Nhiệt kế lò xo				Nhiệt độ: (-30°C) đến 30°C Độ phân giải: 1,0 ⁰ C	Hiệu chuẩn tại điểm nhiệt độ: 5±3°C	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
55	Nhiệt kế lò xo				Nhiệt độ: (-30°C) đến 30°C Độ phân giải: 1,0 ⁰ C	Hiệu chuẩn tại điểm nhiệt độ: 5±3°C	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
56	Pipet thủy tinh 2 vạch				Nhà sản xuất : Schott Duran Phạm vi thể tích: 1mL	Hiệu chuẩn tại mức: 1mL	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
57	Pipet thủy tinh 2 vạch				Nhà sản xuất : Schott DuranPhạm vi thể tích: 2mL	Hiệu chuẩn tại mức: 2mL	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT

STT	Tên thiết bị	MSK K	Mode I	Số Seria	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung thực hiện dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng /Trung tâm đề xuất
58	Pipet thủy tinh 2 vạch				Nhà sản xuất : Schott Duran Phạm vi thể tích: 5mL	Hiệu chuẩn tại mức: 5mL	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
59	Pipet thủy tinh 2 vạch				Nhà sản xuất : Schott Duran Phạm vi thể tích: 10mL	Hiệu chuẩn tại mức: 10mL	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
60	Pipet thủy tinh 2 vạch				Nhà sản xuất : Schott Duran Phạm vi thể tích: 20mL	Hiệu chuẩn tại mức: 20mL	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
61	Pipet thủy tinh 2 vạch				Nhà sản xuất : Schott Duran Phạm vi thể tích: 25mL	Hiệu chuẩn tại mức: 25mL	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
62	Pipet thủy tinh 2 vạch				Nhà sản xuất : Schott Duran Phạm vi thể tích: 50mL	Hiệu chuẩn tại mức: 50mL	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
63	Pipet thủy tinh 2 vạch				Nhà sản xuất : Schott Duran Phạm vi thể tích: 100mL	Hiệu chuẩn tại mức: 100mL	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT

STT	Tên thiết bị	MSK K	Model	Số Serial	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung thực hiện dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng /Trung tâm đề xuất
64	Hệ thống chuẩn độ điện thế		Titrand 888		Model: Titrand 888 Hãng sản xuất: Metrohm	Bảo trì: - Kiểm tra ngoại quang - Vệ sinh thiết bị - Kiểm tra kết nối với thiết bị ngoại vi: USB, MSB.... - Kiểm tra cáp kết nối điện cực - Kiểm tra hoạt động của spindle - Kiểm tra tín hiệu ngõ vào của điện cực, cổng Polarizer, nhiệt độ... - Kiểm tra tín hiệu ngõ vào cổng iSensor.... - Vệ sinh các buret, đường ống và van - Kiểm tra độ đúng của các buret - Kiểm tra hoạt động và kết nối thiết bị đến phần mềm - Sao lưu dữ liệu	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
65	Nhiệt kế thủy tinh					Hiệu chuẩn tại 3 điểm: 96°C; 102°C; 105°C	Cái	1	Kiểm nghiệm Hóa lý - TTXNYSHL S&DVKHKT
66	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao, hãng Shimadzu LC-20A					Bảo trì: - Bộ đầu khí DGU-20A3R: + Kiểm tra hoạt động của bộ đầu khí - Bơm LC-20AD: + Kiểm tra ROM-RAM + Kiểm tra đèn hiển thị + Độ đúng tốc độ dòng, độ ổn định áp suất, độ chính xác nồng độ gradient + Kiểm tra Giới hạn áp suất	Cái	1	Độc chất - Di truyền - Miễn dịch

STT	Tên thiết bị	MSK K	Mode I	Số Seria	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung thực hiện dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng /Trung tâm đề xuất
						+ Kiểm tra leak sensor - Bộ kiểm soát hệ thống CBM-20A: + Kiểm tra ROM-RAM + Link check - Buồng cột CTO-10ASvp: + Kiểm tra ROM-RAM + Kiểm tra đèn hiển thị + Nhiệt độ buồng: độ đúng tại 25 - 40°, độ dao động nhiệt độ + Leak sensor - Đầu dò SPD-M20A: + Kiểm tra ROM-RAM + Kiểm tra đèn hiển thị + Kiểm tra thời gian sử dụng đèn, năng lượng đèn + Độ đúng bước sóng + Linearity, drift, noise - Bộ phận tiêm mẫu SIL-20HT: + Kiểm tra ROM-RAM + Kiểm tra đèn hiển thị + Leak sensor + Movement & Position sensor check + Thẻ tích tiêm: độ đúng, độ lặp lại - Đầu dò huỳnh quang RF-20A: + Độ đúng bước sóng: kích thích và phát xạ Độ nhạy S/N ratio			
67	Máy đo quang phổ, hãng Shimadzu UV-1800					Hiệu chuẩn tại các điểm: 220nm; 280nm; 450nm; 595nm; 620nm	Cái	1	Độc chất - Di truyền - Miễn dịch

STT	Tên thiết bị	MSK K	Mode I	Số Seria	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung thực hiện dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng /Trung tâm đề xuất
68	Máy đo pH, hãng Mettler Sevencompact					Hiệu chuẩn tại các giá trị: pH 2; pH 4; pH 7; pH 10	Cái	1	Độc chất - Di truyền - Miễn dịch
69	Nồi hấp tiệt trùng		CL- 40LD P	811126	Nồi hấp ướt có sấy khô	Kiểm định an toàn	Cái	1	Phòng Khám đa khoa
70	Máy lấy mẫu vi sinh không khí		Micro flow Kit 90/C	M3909	Tốc độ hút (v): 30,60,90,100,120 lít/ phút	Hiệu chuẩn lưu lượng dòng khí tại các điểm: 100lít/phút; 120lít/phút	Cái	1	Phòng Khám đa khoa
71	Hệ thống báo động nhiệt độ kho lạnh bằng điện thoại, nhãn hiệu Omron				Là 1 tủ điện có gắn đầu dò vào bên trong kho lạnh	Hiệu chuẩn 1 đầu dò nhiệt độ tại: 5°C	Cái	1	Phòng Vật tư-Thiết bị y tế
72	Hệ thống báo động nhiệt độ kho lạnh ra bảo vệ nhãn hiệu Hanyoung- Nux				Là 1 tủ điện có gắn đầu dò vào bên trong kho lạnh	Hiệu chuẩn 1 đầu dò nhiệt độ tại: 5°C	Cái	1	Phòng Vật tư-Thiết bị y tế

STT	Tên thiết bị	MSK K	Mode I	Số Seria	Đặc điểm và tính năng kỹ thuật của thiết bị	Nội dung thực hiện dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Khoa/Phòng /Trung tâm đề xuất
73	Hệ thống khống chế nhiệt độ kho lạnh trữ vắc xin nhãn hiệu Elitech				Là 1 tủ điện có gắn đầu dò vào bên trong kho lạnh	Hiệu chuẩn 2 đầu dò nhiệt độ tại: 5°C	Cái	2	Phòng Vật tư-Thiết bị y tế
74	Thiết bị ghi nhiệt độ tự động, hãng Logtag				Là thiết bị cảm ứng nhiệt	Hiệu chuẩn nhiệt độ tại: 5°C	Cái	3	Phòng Vật tư-Thiết bị y tế

Phụ lục 02
Mẫu báo giá (để nhà cung cấp tham khảo)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế và các dịch vụ khác như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế và các dịch vụ khác.

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
1						
2						
...						
<u>Tổng cộng:</u>						

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày phù hợp với yêu cầu tại mục 5 của yêu cầu báo giá], kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

